

## TÌM HIỂU TƯ DUY HƯỚNG BIÊN CỦA NGUYỄN TRƯỜNG TỘ NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

HUỲNH TÂM SÁNG\*

### TÓM TẮT

*Từ nửa cuối thế kỉ XIX, Nguyễn Trường Tộ với “tư duy hướng biển” được thể hiện qua hàng loạt các đề xuất cải cách như tăng cường ngoại giao, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mở mang các hải cảng, đảm bảo an ninh cảng biển... đã để lại dấu ấn đặc sắc trong lịch sử dân tộc. Nghiêm khắc phê phán tư duy “bế quan tỏa cảng” của các đình thần, Nguyễn Trường Tộ đã xem việc nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của biển và tiến tới kiểm soát biển là cơ sở quan trọng để xây dựng một nước Việt Nam phú cường.*

**Từ khóa:** triều Nguyễn, Nguyễn Trường Tộ, cải cách, tư duy hướng biển.

### ABSTRACT

*A study of Nguyen Truong To's sea-oriented thought during the second half of the 19<sup>th</sup> century*

*During the second half of the 19<sup>th</sup> century, Nguyen Truong To's “sea-oriented thought” followed by the pioneering ideas such as building up foreign relations, advancing international cooperation, developing seaports, ensuring seaports security... has left much to be admired. Nguyen Truong To's sea-oriented vision on the systematic perceptions of the sea and the need to control the sea could be seen as an invaluable contribution towards building a strong and prosperous Vietnam.*

**Keywords:** Nguyen dynasty, Nguyen Truong To, reform, sea-oriented thought.

### 1. Bối cảnh lịch sử và cơ sở cho tư duy hướng biển của Nguyễn Trường Tộ

Vào cuối thế kỉ XVIII, chủ nghĩa tư bản có những bước phát triển vượt bậc khiến giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị, chi phối nhiều trong vấn đề chính trị - kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển cực thịnh đã đặt ra nhu cầu về nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa cho các quốc gia tư bản, đặc biệt là các nước lớn. Trước xu thế bành trướng của chủ nghĩa tư bản phương Tây,

Việt Nam với vị trí địa chiến lược thuận lợi cho các hoạt động giao thương, truyền đạo... đã trở thành điểm dừng chân của các nước lớn như Anh, Pháp...

Từ đầu thế kỉ XIX, sau khi lật đổ triều đại Tây Sơn (1802), Nguyễn Ánh lập ra nhà Nguyễn và thiết lập quyền làm chủ toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù cũng có những đóng góp nhất định cho lịch sử phát triển của dân tộc nhưng “xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn bất ổn với tình trạng xiêu bạt của nông dân ngày càng sâu sắc, khởi nghĩa nông dân ngày càng nhiều (...). Trong khi đó chính sách

\* NCS, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam; Email: huynhtamsang@gmail.com

đối ngoại của triều Nguyễn không những lạc hậu với thời cuộc, không thích hợp trong bang giao với các nước láng giềng, mà còn có những sai lầm và mù quáng trước những diễn biến của tình hình thế giới đang chuyển động theo quy luật phát triển của nó” [4, tr.4-5]. Mặc dù kế thừa những thành quả vô cùng quan trọng từ nhà Tây Sơn, nhưng nhà Nguyễn vẫn phải đối phó với hàng loạt các cuộc khởi nghĩa của nông dân trong cả nước. Về cơ bản, những chính sách kinh tế - xã hội của nhà Nguyễn vẫn không thể làm dịu bớt những mâu thuẫn sâu sắc đang ngày càng gia tăng. Trong suốt nửa đầu thế kỉ XIX cho đến khi Pháp xâm lược nước ta (1858), đời sống nhân dân vẫn cơ cực, đói khổ. Đặc biệt, vấn đề tôn giáo cũng khiến triều Nguyễn bị chi phối và đứng trước muôn vàn thử thách khi quá trình bành trướng của các nước tư bản phương Tây luôn kèm theo quá trình truyền đạo để phục vụ cho chính sách xâm lược thuộc địa của mình.

Khi Pháp nổ súng xâm lược (1858), xã hội Việt Nam đang lâm vào tình trạng đình trệ kéo dài, nguy cơ thất bại trước cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ngày càng lộ rõ. Chính trong bối cảnh này, những tư duy cải cách càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Công cuộc canh tân đất nước của những nhà tư tưởng tiến bộ với tiêu chí nâng cao sức mạnh dân tộc qua việc mở cửa tiếp thu những thành tựu văn hóa, văn minh của thế giới cũng rất đáng chú ý.

Trong giai đoạn Pháp lần lượt thôn tính nước ta và củng cố ách thống trị của mình (1858-1896), Phạm Phú Thứ (1820-

1883), Bùi Viện (1839-1878), Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895)... là những trí thức nổi bật và có nhiều đóng góp về tư tưởng canh tân cho lịch sử nước nhà. Những quan chức, sĩ phu này có học vấn cao, đặc biệt là số sĩ phu Công giáo, do có dịp đi công cán nước ngoài, tầm nhìn rộng mở, nên đã thấy rõ sự trì trệ của đất nước, sự bảo thủ của giới “hủ nho” và Nho giáo, sự tai hại của chính sách đóng cửa và đặc biệt là sự quay lưng với những tiến bộ kĩ thuật của văn minh phương Tây. Phần lớn họ vẫn chấp nhận chế độ phong kiến, nhưng đều muốn nước ta đi theo con đường Minh trị Duy tân của Nhật Bản để cải cách đất nước [9, tr.219]. Có thể nói, những nhân vật “ru thời mẫn thế” đã nhận thấy được tính cấp thiết để mở cửa và tiếp thu những thành quả, kinh nghiệm của nước ngoài nhằm giúp đất nước hưng thịnh và bảo vệ Tổ quốc khỏi họa xâm lăng.

Được xem như nhà cải cách lớn nhất của Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX, Nguyễn Trường Tộ (1830-1871)<sup>1</sup> đã để lại dấu ấn rất sâu đậm trong lịch sử dân tộc. Ông sinh ra trong gia đình Thiên Chúa giáo, lúc nhỏ ông học chữ Hán (nhưng không đi theo con đường khoa cử) và sau đó học thêm tiếng Pháp (chủ yếu từ Giám mục người Pháp là Gauthier). Đặc biệt, Nguyễn Trường Tộ có hai lần ra nước ngoài: lần thứ nhất từ năm 1859 đến năm 1861, tới các nước ở châu Á như Hong Kong, Penang, Singapore; và lần thứ hai vào năm 1867, đến nước Pháp và các nước châu Âu khác. Trong thời gian ở nước ngoài, Nguyễn Trường Tộ có cơ hội tiếp thu nhiều tư tưởng tiến bộ qua sách

báo phương Tây (bằng tiếng Pháp, tiếng Anh và các sách báo phương Tây được dịch sang tiếng Trung Quốc). Những chuyến đi thực tế nhằm mục đích học hỏi và giao lưu với nhiều nền văn hóa, văn minh khác nhau đã giúp Nguyễn Trường Tộ tiếp nhận vốn tri thức phong phú và hình thành nhận thức tiên bộ hơn so với nhiều trí thức đương thời.

Chính hệ thống sách dịch bằng chữ Hán (Tân thư) đã cung cấp nhiều kiến thức mới mẻ và góp phần hình thành tư tưởng cải cách của Nguyễn Trường Tộ. *Quyển Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỉ* của Quốc sử quán triều Nguyễn – bộ cuối cùng trong hệ thống *Đại Nam thực lục* của triều Nguyễn cũng ghi chép về Nguyễn Trường Tộ với những đánh giá xác đáng: “Trường Tộ thông minh đỉnh ngộ, thông hiểu chữ Latin, Anh Cát Lợi, trong đó chữ Hán và chữ Pháp càng là sở trường. Từ nhỏ thận trọng kết giao, đoạn tuyệt tài sắc, không cầu nổi tiếng, lớn lên đi khắp các nước, các vấn đề cách trí không gì không khảo cứu, đặc biệt để ý tới đại thế thiên hạ tung hoành phân hợp, ngày thường phần nhiều kết nạp các nhà chính trị Âu Mỹ, mưu để nước ta dùng. Tộ thường dâng sớ tự tiến cử, nói có thể chỉ huy vạn người” [13, tr.129].

Có thể nói, chính việc xuất thân trong gia đình khoa bảng, thừa kế nền giáo dục Nho học và tiếp thu nhiều tư tưởng cải cách của Pháp nên Nguyễn Trường Tộ từ rất sớm đã đau đầu cho vận mệnh dân tộc vốn đang đứng trước vô vàn khó khăn, thử thách. Nhận thức và thái độ về vận mệnh dân tộc đã giúp Nguyễn Trường Tộ xem việc cải cách

toàn diện là con đường mà các vua quan triều Nguyễn phải thực hiện để canh tân đất nước. Chính kiến văn sâu rộng về tình hình thế giới, thực tiễn đất nước được dựa trên nền tảng vững chắc là tấm lòng vì nước, vì dân đã tạo nên dấu ấn sâu đậm của Nguyễn Trường Tộ như một trí thức dân thân đúng nghĩa. Các tư tưởng cải cách của Nguyễn Trường Tộ được trình bày trong gần 60 điều trần mà ông đã dày công soạn thảo và gửi cho triều đình nhà Nguyễn trong gần 10 năm (từ năm 1863 đến năm 1871) đã cho thấy nhãn quan sắc sảo và nhạy bén với thời cuộc. Những điều trần của Nguyễn Trường Tộ, theo nhà sử học David Joel Steinberg, hoàn toàn vượt xa “những chính sách hiện đại hóa yếu ớt mà Pháp theo đuổi tại Việt Nam trong những năm 1890 đến 1954” [15, tr.138]. Nguyễn Trường Tộ đã thể hiện tư duy độc đáo, tiên bộ thông qua “kiên trì vận động hàng loạt các chương trình cải cách, bao gồm cả việc nghiên cứu các khoa học chính xác, công bố báo chí, dịch các sách châu Âu, gửi học sinh sang châu Âu học tập, tuyển dụng các cố vấn kỹ thuật để giúp hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển khai mỏ và công nghiệp (bao gồm cả công nghiệp vũ khí), xây dựng các tuyến đường giao thông chiến lược và tổ chức lại quân đội” [14, tr.313-330]. Trong quá trình nghiên cứu hệ thống các điều trần của Nguyễn Trường Tộ, chúng tôi nhận thấy “*tư duy hướng biển*” được thể hiện rõ nét.

## 2. Dấu ấn của Nguyễn Trường Tộ thông qua “*tư duy hướng biển*”

Với mong muốn đóng góp cho triều đình nhà Nguyễn, phát triển đất nước nhằm chống ngoại xâm có hiệu quả, Nguyễn Trường Tộ đã chủ động đề xuất nhiều ý tưởng canh tân thông qua các văn bản gửi triều đình Huế trong vòng 10 năm (1861-1871). Nhìn chung, toàn bộ những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đã thể hiện được tâm huyết của một trí thức có vốn hiểu biết sâu rộng, thiết tha tìm lối thoát giải nguy cho Việt Nam [10, tr.16]. Nhận thức rõ chính sách “bế quan tỏa cảng” của triều Nguyễn đã cản trở sự phát triển của đất nước, Nguyễn Trường Tộ đã sớm nhận định rằng tư tưởng mở cửa nhằm mở rộng các mối quan hệ quốc tế là vô cùng cần thiết. Tư tưởng đó đã giúp ông càng quyết đoán và phê phán sâu sắc lối tư duy “bế quan tỏa cảng” mang nhiều hạn chế. Trong khi nhà Nguyễn lúng túng và bối rối trong vòng luẩn quẩn chủ chiến – chủ hòa, tìm cách lấy lại các vùng đất đã mất và khur khur đường lối bảo thủ, đóng cửa thì tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ đã vượt lên tầm thời đại. Ông nhận mạnh: “*Tôi nghĩ rằng thời kì khôi phục nước nhà đã có xác chứng ở bốn bể, dự tính được tương lai. Đi theo con đường nào mới được? Con đường phải theo không thể tìm được ở trong nước mà phải tìm ở trong thiên hạ*” [1, tr.123].

Trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, lại đang đối diện với giặc ngoại xâm, ngoài nỗ lực “tự cường” từ bên trong thì việc tận dụng những thành tựu tiên bộ từ bên ngoài thông qua quá trình hợp tác quốc tế cũng là việc cần thiết và cấp bách. Nghĩ thế, ông khẳng

định lập trường: “*Đường lối thông thương mà tất cả các nước trên thế giới hiện nay đều tiến hành như thế, tập tành ham chuộng đường lối ấy, mấy trăm năm càng ra làm càng có lợi mà không ai nghỉ tay, cũng vì bỏ đường lối này không còn phương sách nào khác*” [1, tr.408]. Phản đối những tư tưởng cho rằng việc hợp tác với phương Tây sẽ có nguy cơ tổn hại đến an ninh quốc gia, Nguyễn Trường Tộ đã khẳng định: “*Chỉ riêng mình nước ta thi hành đường lối khác, cho nên thiên hạ cho nước ta là một nước kì dị nhất. Triều đình ta trong khoảng từ Gia Long đến thời hợp tác với người phương Tây, thường phái người du hành đi các nước trở về dần dần được hưng thịnh. Nếu không có lệnh đóng cửa đuổi khách bạn ra, mà theo đường lối ấy cho đến ngày nay thì ta cũng có thể sánh vai dong duỗi cùng thiên hạ và người Pháp cũng không thể tác oai tác quái với chúng ta được*” [1, tr.412]. Và từ nhận thức đó, nhu cầu mở rộng sự phát triển ra bên ngoài, tích cực hợp tác với các nước phát triển trong khu vực và thế giới đã góp phần quan trọng hình thành nên “*tư duy hướng biển*” của Nguyễn Trường Tộ.

Có thể nói, “*tư duy hướng biển*” của Nguyễn Trường Tộ được hình thành và phát triển phần lớn nhờ vào quá trình tiếp nhận những tư tưởng cải cách từ các sách báo nước ngoài. Từ đó, ông đã có sự so sánh và đánh giá tương quan lực lượng của Việt Nam so với các quốc gia mà ông đã có dịp thăm viếng và nghiên cứu con đường phát triển của họ. Bàn về trường hợp Nhật Bản, Nguyễn Trường Tộ rất quan tâm đến mối quan hệ giữa Nhật Bản

với Hà Lan, Bồ Đào Nha và Hoa Kỳ. Ông viết: *“Lại xem Nhật Bản xưa vốn là lũ người lùn, từ trung điệp nhà Minh mới bắt đầu giao hảo với Hà Lan, làm bạn với Bồ Đào Nha, kể đến mời Hợp Chúng Quốc (Hoa Kỳ - tác giả) giúp vào việc nước, mở mắt nhìn rộng rãi ra thiên hạ, mới có được chí hướng lớn như vậy. Từ đó họ đóng tàu bè, luyện tập võ bị, ưu tiên phát triển thương nghiệp, công nghiệp, đất nước mỗi ngày mỗi mạnh, được khen với Mĩ danh là Tiểu Tây, và Trung Quốc khó lòng bắt Nhật Bản thuận phục (...) Hiện nay nước ấy nhờ ngoại giao mà được lợi ích, ngày một nhanh chóng trở nên giàu mạnh, nội loạn không sinh, kẻ địch bên ngoài không đến, thuyền buôn qua lại trên mặt biển đông như mắc cửi”* [1, tr.408-409]. Rõ ràng, chính sự khéo léo trong các hoạt động đối ngoại (đặc biệt là việc lợi dụng sự kiềm chế lẫn nhau giữa các cường quốc để bảo vệ độc lập dân tộc) đã tạo nên sức mạnh to lớn cho Nhật Bản. Đó cũng là tiền đề nhận thức và thực tiễn để Nhật Bản tiếp tục phát triển thương nghiệp và củng cố năng lực quốc phòng trên biển từ các hoạt động “đóng tàu bè, luyện tập võ bị”. Từ mối quan hệ “đồng văn, đồng chủng” giữa Nhật Bản và Việt Nam, Nguyễn Trường Tộ bày tỏ niềm tin vào khả năng của dân tộc Việt Nam vì “người Việt Nam tài trí, lại khéo bắt chước kĩ xảo của người khác” nên nếu chịu khó và quyết tâm thì hoàn toàn có thể “bằng được người và vượt được người” [1, tr.120]. Chính vì vậy, Nguyễn Trường Tộ đã nhiều lần đề xuất các kế sách mở cửa thiết thực, kí hiệp định thương mại với

các nước... Nổi bật là chính sách bảo vệ độc lập quốc gia thông qua sử dụng sự kiềm chế lẫn nhau giữa các cường quốc.

Với tầm nhìn nhạy bén đối với sự vận động của lịch sử, biển cả trong tư duy của Nguyễn Trường Tộ còn là nơi thử thách bản lĩnh và trí tuệ của con người. Biển cả có thể được xem như bản lề của sự mở mang tri thức và những ý niệm về cải cách và phát triển. Nguyễn Trường Tộ cho rằng: *“Dân đã yên sau sẽ khiến kẻ hiền tài vượt biển, sang các nước lớn học cách đánh trận giữ thành, học tập trí xảo của thiên hạ, giao thiệp với họ lâu dài, mới biết lường sức đo tài, biết hết tình trạng của họ”* [1, tr.10]. Rõ ràng, chỉ có thể hướng về biển cả và vượt khỏi phạm vi giới hạn của biển cả thì mới có thể tiếp thu các tư tưởng, lí luận và thực tiễn của phương Tây để vận dụng hợp lí vào tình cảnh đất nước còn đang gặp nhiều khó khăn. Tư duy hướng biển qua việc chấp nhận “mở cửa” để tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia bên ngoài tiến hành thiết lập các quan hệ thông thương với nước ta là vô cùng tiến bộ.

Để có thể mở rộng quan hệ với bên ngoài, qua đó phát triển thương nghiệp và tăng cường an ninh tại các cảng biển, Nguyễn Trường Tộ đã đề xuất những biện pháp thiết thực. Ông chỉ rõ: *“Nước ta một mặt là bờ biển, đất hẹp mà dài, đường bộ khó đi, cho nên lấy xa làm gần thì chỉ có đường biển mà thôi. Đường biển của ta có ba cái hại lớn: Một là gió bão, hai là giặc biển, ba là người Tây. Muốn trừ được ba cái hại ấy chỉ có kế khai cảng. Khai cảng là một kế lớn có lợi lâu dài cho nước ta, thế mà nhiều người*

*không hiểu, chỉ thấy cái cực nhọc trước mắt, bàn chuyện cản trở*". Nguyễn Trường Tộ còn bày kế để mang lại lợi ích cho dân, cho nước: "*Lại nhân việc mở mang này mà ta mở các cửa khẩu để thuyền bè các nước ra vào, ta ngồi thu thuế mà tăng quốc dụng. Mặt khác có hỏa thuyền qua lại trên mặt biển thì cái họa giặc biển cũng dần dần tiêu diệt, sự sinh sống của nhân dân ta cũng dần thịnh vượng hơn*" [1, tr.416]. Có thể nói, để "ngăn gió bão – diệt giặc biển – phòng thù người Tây" thì "khai cảng" là lựa chọn đúng đắn và không thể khác hơn.

Từ nhận thức trên, Nguyễn Trường Tộ đã đề nghị triều đình nhà Nguyễn tích cực mở mang các cảng biển để đón các tàu nước ngoài đến thông thương và buôn bán. Ngoài ra, ông cũng nhấn mạnh việc khai thác các nguồn lợi về biển thông qua sự trợ giúp của các chuyên gia nước ngoài. Trái với chính sách "bế quan tỏa cảng", các quan điểm của Nguyễn Trường Tộ đã thể hiện tinh thần "hướng ra bên ngoài" thông qua kêu gọi sự hợp tác với nước ngoài. Nguyễn Trường Tộ đã lí giải tầm quan trọng của việc mở mang giao thương: "*Lại nhân việc mở mang này mà ta mở các cửa khẩu để thuyền bè các nước ra vào, ta ngồi thu thuế mà tăng quốc dụng*" [1, tr.416]. Các chính sách mở cửa qua việc tạo điều kiện cho tàu thuyền nước ngoài vào buôn bán với ta không chỉ mang lại khả năng hợp tác với nước ngoài mà còn giúp triều Nguyễn thu được thuế cho ngân sách để làm lợi cho nhân dân.

Theo Nguyễn Trường Tộ, "*nếu để cho người nước ngoài vào đầu tư, khai*

*thác thì không những nhà nước thu được lợi, mà nhân dân có việc làm, lại được học tập, làm quen với khoa học kỹ thuật Tây phương, dân là dân của ta, đất là đất của ta, họ có đem đi đâu được mà sợ?*" [1, tr.126]. Đặc biệt, ông còn đề cao việc đẩy mạnh giao thương qua đường biển và khai thác các nguồn lợi từ biển. Với tầm nhìn xa trông rộng và lòng yêu nước sâu sắc, Nguyễn Trường Tộ đã sớm nhận ra mối liên hệ gắn bó mật thiết giữa việc phát triển thương nghiệp và sự hưng vong của quốc gia. Trong đó, củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các hải cảng và các cảng biển để thu hút các tàu nước ngoài vào buôn bán với nước ta là nội dung quan trọng, đúng đắn và cần thiết.

Về tổ chức hàng hải, Nguyễn Trường Tộ đã đề xuất mua và đóng tàu để phục vụ cho việc vận chuyển các mặt hàng nông, lâm, hải sản đến các nước khác buôn bán và mua lại các hàng hóa mà trong nước cần dùng. Trong *Di thảo số 6 và số 7* (cuối năm 1864 - đầu năm 1865), Nguyễn Trường Tộ đã đề nghị triều đình nhà Nguyễn nên gửi người sang Anh, sang Pháp học về cách điều khiển và sửa chữa thuyền máy trước khi mua tàu, có như thế thì mới chủ động và đỡ tốn kém hơn là thuê người nước ngoài: "*Nếu có mua thuyền máy thì cũng chỉ mua một, hai chiếc làm mẫu, rồi mình tự tổ chức đóng lấy*" [7, tr.16]. Điểm tiên bộ của Nguyễn Trường Tộ là ông không chỉ chú trọng vào học tập các thành tựu khoa học kỹ thuật của phương Tây mà còn thông qua việc học tập các kỹ thuật

của họ để có thể tự chế tạo thuyền phục vụ cho nhu cầu trong nước.

Cùng với các đề xuất mở thương cảng biển và phát triển giao thương với bên ngoài, Nguyễn Trường Tộ cũng chú ý đến vấn đề củng cố môi trường an ninh, trong đó chú trọng đến vấn đề an ninh trên biển. Mối bận tâm lớn của Nguyễn Trường Tộ là vấn nạn hải tặc đã có từ lâu đời và đe dọa rất lớn đến an ninh hàng hải. Có thể nói, thời kì đầu nhà Nguyễn, giặc biển đã trở thành vấn nạn to lớn của đất nước. Vào tháng 8/1849, hơn 70 chiếc thuyền của cướp biển kéo đến phần biển tỉnh Hải Dương, lên đường bộ quấy nhiễu cướp bóc, quan quân đánh giết, giặc lui đi, rồi lại nhân đêm lên đến phần sông tỉnh Quảng Yên hướng vào tỉnh thành sinh sự. Bỏ chính sứ là Nguyễn Khoa Dục ra ngoài thành đốc quân đánh lại, giặc tan rã, những tên giặc bắt được chuyển cho Khâm châu nước Thanh xử lí [12, tr.195]. Thậm chí, năm Quý Dậu (1873), trên cửa biển Thuận An gần kinh thành Huế, bọn giặc Tàu Ô còn ngang nhiên chém giết quân lính và cướp các thuyền vận tải của Nha Kinh lược Bắc Kỳ trước mắt vua Tự Đức và triều thần [2, tr.60-61]. Trước việc giặc biển hoành hành ngang ngược, triều đình Huế vẫn không có động thái nào rõ ràng và hầu như rơi vào tình thế bất lực.

Trước tình hình này, Nguyễn Trường Tộ đã nói rõ: “*Giặc biển là mối hại chung cho cả nước ta, nạn này đã lâu lắm rồi chẳng phải một sớm một chiều nữa mà tương lai biết đến lúc nào thì hết, nghiêm nhiên là một giặc dai dẳng (...)* Sự tổn thất của công và của tư mỗi năm

*kể có số vạn, đương thương mại không thông thương, hàng hóa ứ đọng thật là một cái hại lớn cho sinh dân. Năm nay qua năm khác chẳng đã thiệt hại hàng ức triệu đó sao? Dân ven biển, những nhà buôn bán giàu sang là cửa hòng của cư dân thượng hạ bạn, thế mà mấy năm nay bị chúng cướp phá hết không biết bao nhiêu nay trở thành nghèo cùng”* [1, tr.310]. Trong cuốn *Tế cấp bát điều* (Di thảo số 27, 15/11/1867) Nguyễn Trường Tộ đã nói rằng: “*Như về việc vận chuyển lương thực, triều đình đã hết sức lo liệu mà vẫn chưa ổn. Phần nhiều một thạch lương thực đến được kinh đô đã phải hao hụt dọc đường mất năm sáu đấu. Đó là chưa nói đến nhiều vụ bị chìm ghe, đánh cướp. Các sản vật cũng vậy. Còn ghe thuyền của dân chìm mỗi năm không biết bao nhiêu mà kể. Dân nghèo thì nước cũng nghèo. Cái hại lớn đó đều do đường biển gây ra”* [1, tr.83]. Như vậy, muốn phát triển đất nước, phát triển thương mại trên biển, theo Nguyễn Trường Tộ cần đảm bảo an ninh biển trước tiên.

Để góp phần giải quyết tình trạng trên, Nguyễn Trường Tộ đã khéo léo đề xuất với nhà Nguyễn đào kênh từ Hải Dương đến Huế nhằm tránh tai nạn đường biển. Tuy nhiên, đề xuất của ông đã không được xét đến. Mặc dù vậy, Nguyễn Trường Tộ vẫn tiếp tục đề xuất các biện pháp “*tiêu trừ giặc biển*” để vừa có thể đảm bảo an ninh biển, vừa có thể thúc đẩy kinh tế biển, cụ thể: 1) Thương lượng với người Pháp ở Sài Gòn để họ cho tàu tuần tiễu giúp dọn dẹp bọn cướp biển; 2) Đóng tiền cho hội bảo hiểm ở Sài Gòn để họ tiêu trừ giặc biển; 3) Mỗi tỉnh

mua một, hai thuyền máy để tự mình tiêu trừ giặc biển; 4) Bắt buộc các thuyền buôn của người Trung Quốc phải có giấy thông hành, để tránh nạn thuyền buôn, thuyền giặc lẫn lộn [1, tr.310-312]. Cùng với bốn biện pháp trên, Nguyễn Trường Tộ còn đề xuất việc tăng cường phòng thủ tại các cửa sông, cửa biển: “Ở các cửa biển và tỉnh thành, kinh thành chỗ nào cần có tường hào thì đều xây hào ngay thẳng chỉnh tề” [1, tr.430]. Nếu so với tư duy “trọng phòng thủ cửa sông hơn cửa biển” của vua Tự Đức, thì sự sáng suốt và khả năng “nhìn xa trông rộng” của Nguyễn Trường Tộ là vô cùng đáng trân trọng. Cùng với công tác phòng bị, việc hoàn thiện dần các phương tiện chống giặc cũng cần được quan tâm. Nguyễn Trường Tộ đặt ra yêu cầu cấp thiết: “Phải chế tạo các loại vũ khí mới lạ, có thể đối phó được với giặc, cất vào kho vũ khí để sử dụng khi cần thiết” [1, tr.434]. Trước tiên, tư duy quân sự biển của Nguyễn Trường Tộ là để phòng và trừ giặc biển nhưng sâu xa hơn là để ngăn ngừa nguy cơ bị tấn công từ phía biển như Pháp đã tấn công vào bán đảo Sơn Trà (1858).

Mặc dù tư duy của Nguyễn Trường Tộ là vô cùng chính đáng và cấp bách, nhưng triều đình Tự Đức đã quá do dự và thiếu quyết đoán. Trước những đề xuất của Nguyễn Trường Tộ, vua Tự Đức phán rằng: “Những lời tên Tộ thật đã khám phá sự tình. Nhưng ý vốn không phải tộc loại với ta, tình ý chưa tin nhau, vội vàng thi hành e chưa tiện” [9, tr.219]. Lo ngại về xuất thân sĩ phu Công giáo của Nguyễn Trường Tộ, Tự Đức mặc dù

vẫn đánh giá tích cực nhưng đã không thi hành triệt để các chính sách của Nguyễn Trường Tộ. Thậm chí, Tự Đức còn giao những tờ điều trần của Nguyễn Trường Tộ cho các quan duyệt nghị. Nhưng sự sợ hãi và an phận đã khiến các đình thần cho rằng đây là sự nói càn, không ai chịu nghe [5, tr.469].

Chính sách “bế quan tỏa cảng” đã dẫn đến hệ lụy là sự thoái bộ của một tư duy biển cấp tiến từ phía những nhà cầm quyền. Trước thái độ lo sợ của các đình thần, rằng “mở cửa biển tức là mở cửa ngõ để đón kẻ cướp vào nhà”, Nguyễn Trường Tộ khẳng khái phê phán tư tưởng trên theo kiểu tiên định luận: “Lúc thời thế đã đến thì không thể át được, lúc thời thế đã đi thì không thể ngăn được. Tạo vật đã sắp đặt như vậy rồi mà sao ta không biết tạm thời lưu thông với họ để mà tự phân chấn cho hợp với ý của tạo vật? Cửa biển khắp các nước phương Đông. Tạo vật đã khai thông, thì tại sao một mình ta lại đóng kín?” [3, tr.396]. Thế nhưng, lo ngại về sự tồn vong của chế độ và kiên quyết bảo vệ các tư tưởng Nho giáo phong kiến, Tự Đức lại đóng cửa sông, cửa biển nên quan hệ giao thương giữa Việt Nam với phương Tây hầu như chẳng thu hoạch được gì.

Hệ quả của sự chậm trễ từ Tự Đức cho đến các đình thần là việc thiếu sự huy động sức mạnh tổng hợp về kinh tế và quốc phòng từ toàn dân. Sức mạnh và sự kiểm soát biển kém đã dẫn đến sức mạnh trên bộ bị hạn chế khá nhiều. Việc mất đất liền cũng là hệ quả của nhiều nhân tố, trong đó sự yếu kém về tư duy biển của triều đình Tự Đức xuất phát từ



việc thiếu đánh giá đầy đủ tư tưởng hướng biển của Nguyễn Trường Tộ cũng là một nguyên nhân quan trọng.

Nhìn chung, những biện pháp canh tân có liên quan đến hàng hải của triều đình Tự Đức đều “chưa đến nơi đến chốn”, bởi lẽ: *“Đó là sự chấp nhận có tính chất tùy tiện, ngẫu hứng mà không nằm trong tư tưởng chiến lược được vạch ra một cách cụ thể. Thêm vào đó, lề lối làm việc lại rất quan liêu giấy tờ, chỉ có phê chuẩn, sau đó không có kế hoạch thực hiện, đôn đốc. Đó là bắt đầu đổi mới, song đổi mới hết sức chậm và yếu. Các đình thần ở trong triều, kể bàn lùi thì nhiều, người bàn tới thì rất ít. Đối với triều đình, canh tân chỉ là bắt đắc dĩ”* [11, tr.265-266]. Từ góc độ cá nhân, sự không tín nhiệm của triều đình nhà Nguyễn đối với Nguyễn Trường Tộ cũng khiến những đề nghị cải cách phản ánh “*tư duy hướng biển*” nói riêng và những đề xuất cấp tiến nói chung không được thực hiện đầy đủ. Thay vì cân nhắc kỹ lưỡng, “*triều đình chỉ thực hiện từng điểm nào đó mà không theo một quốc sách, không có kế hoạch, không nắm những điều căn bản, không biết cái gì làm trước, cái gì làm sau*” [11, tr.304].

### 3. Kết luận

Nhìn chung, “*tư duy hướng biển*” của Nguyễn Trường Tộ vừa thể hiện cái “*tâm*” của kẻ sĩ luôn đau đầu vì vận nước

vừa cho thấy cái “*tâm*” của một trí thức tâm huyết. Tuy nhiên, “*tư duy hướng biển*” của Nguyễn Trường Tộ vẫn bị giới hạn bởi nhận thức chính trị còn hạn chế, đồng thời, Nguyễn Trường Tộ cũng chưa chỉ ra được cơ sở xã hội và lực lượng vật chất để tiến hành canh tân. Bởi lẽ, trong bối cảnh tiềm lực quốc gia còn hạn chế, nhân quan chính trị yếu kém của vua quan triều Nguyễn đã là “*lực cản*” cho một chương trình canh tân toàn diện. Sự thiếu quyết tâm của triều đình đã khiến những nỗ lực của Nguyễn Trường Tộ trở nên khá đơn độc. Thiếu sự cổ vũ nhiệt thành, những đề xuất của Nguyễn Trường Tộ mặc dù có nhiều điểm tiến bộ nhưng vẫn bị giới hạn bởi những yếu tố lịch sử đương thời.

Có thể khẳng định “*tư duy hướng biển*” tất yếu sẽ dẫn đến định hướng làm chủ và kiểm soát biển. Bài học về tầm quan trọng của biển gắn với ý thức và trách nhiệm bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền dân tộc là cần thiết và luôn có ý nghĩa trong bất cứ thời đại nào. Vì lẽ đó, việc làm chủ, tiến hành khai thác và bảo vệ biển chính là sự lựa chọn lịch sử của dân tộc Việt Nam. Có thể khẳng định rằng “*tư duy hướng biển*” của Nguyễn Trường Tộ hướng đến việc kiểm soát và làm chủ biển cả là hoàn toàn phù hợp với sự vận động của lịch sử dân tộc nói riêng và lịch sử thế giới nói chung.

<sup>i</sup> Về năm sinh của Nguyễn Trường Tộ, hiện vẫn chưa có sự thống nhất. Nổi bật trong số các tranh luận là 2 mốc thời gian 1828 và 1830. Tham khảo vấn đề này trong Trương Bá Cần (1991), *Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871)*, Tập 1: *Con người*, Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm, tr.17.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần (1988), *Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phan Trần Chúc (2000), *Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hà Minh Hồng (2005), *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858 – 1975)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Lê Thị Lan (2008), “Về những giá trị trong tư tưởng cải cách của Nguyễn Trường Tộ”, *Tạp chí Triết học*, số 12 (211), tháng 12/2008.
7. Hoàng Thị Ngà (2011), *Triết lý cải cách của Nguyễn Trường Tộ và ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Huế, Khoa Lý luận Chính trị.
8. Nguyễn Quang Ngọc (2011), “Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa trong các thế kỉ XVII, XVIII, XIX: Tư liệu và sự thật lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6 (118).
9. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2013), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
10. Nguyễn Phan Quang (2009), “Thêm vài suy nghĩ về Nguyễn Trường Tộ và những điều trần của ông”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 12 (404).
11. Lê Văn Quán (2013), *Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam thời kì Lê – Nguyễn*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (1973), *Đại Nam thực lục*, tập 27, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Cao Tự Thanh (2012), “Nguyễn Trường Tộ qua *Đại Nam thực lục chính biên Đệ thất kỉ*”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (95).
14. Mark W. McLeod, (1994), “Nguyen Truong to: A Catholic Reformer at Emperor Tu-Duc's Court”, *Journal of Southeast Asian Studies*, Vol. 25, No. 2.
15. Steinberg, David Joel (editor) (1987), *In Search of Southeast Asia: A Modern History*, University of Hawaii Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-11-2014; ngày phản biện đánh giá: 21-11-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 20-10-2015)